

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua
Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của
Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 251/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg về thực hiện hỗ trợ cho vay để ký
quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người lao động thuộc đối tượng
chính sách đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình cấp phép cho lao động
nước ngoài của Hàn Quốc;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp
hành xong án phạt tù;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg về cơ chế, chính sách giải quyết
việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh
viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ*

thuật và toán;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng được hưởng chính sách

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

3. Người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

4. Học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

5. Các đối tượng vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm quy định tại khoản 1 và đáp ứng được điều kiện tại khoản 6 Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 và theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Các đối tượng vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng quy định tại khoản 2 và đáp ứng được điều kiện tại khoản 7 Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 và theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.

7. Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Điều 76 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

8. Các tổ chức do thanh niên làm chủ (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh...) có nhu cầu vay vốn để khởi sự doanh nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh; cá nhân thanh niên có nhu cầu vay vốn để khởi sự doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh; ưu tiên thanh niên thuộc hộ nghèo, khó khăn, thanh niên khuyết tật, thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh niên sống tại địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp.

9. Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc vay vốn

1. Bảo đảm đúng đối tượng thụ hưởng, công khai, minh bạch, khách hàng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định của từng chương trình tín dụng.

2. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

3. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

Điều 4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực

thi hành:

a) Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

c) Nghị quyết số 142/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định chính sách tín dụng ưu đãi giải quyết việc làm bền vững trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2024-2030.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn trước được tiếp tục quản lý, sử dụng để cho vay, thu hồi nợ, quay vòng vốn theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 8;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính